



Thứ tự số	Tên chủ sử dụng đất	Diện tích m ²	Chia ra các loại đất										Ghi chú
			M	L	2L	7	8	9	10	11	12		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
398	Đào Công Khanh	330			330							Ch' đất	
399	Phan Văn Nghĩa	180			180								
400	Nguyễn Văn Hải	608			608								
401	Nguyễn Thị Bông	1024	1024										
402													
403	Nguyễn Văn Xuân	830	830										
404	Đào Văn Quang	500	500										
405	Nguyễn Thị Thanh	736	736										
406	Nguyễn Thị Bích	784	784										
407	Đoàn Văn Anh	496			496								
408		1000											
409	Đoàn Văn Anh												
410	Đoàn Văn Anh	576	576										
411	Đoàn Văn Anh	1000	1000										
412	Đoàn Văn Anh	1574	1574										
413	Đoàn Văn Anh	1100	1100										
414	Đoàn Văn Anh	1032	1032										
415	Đoàn Văn Anh	700	700										
416	Đoàn Văn Anh	700	700										
417	Đoàn Văn Anh	1868			1868								
418	Đoàn Văn Anh	1460			1460								
419	Đoàn Văn Anh	1565			1565								
420	Đoàn Văn Anh	1490			1490								
421	Đoàn Văn Anh	350			350								
422	Đoàn Văn Anh	250			250								
423	Đoàn Văn Anh	800			800								
424	Đoàn Văn Anh	212			212								
425	Đoàn Văn Anh	1200			1200								
426	Đoàn Văn Anh	1104			1104								
427	Đoàn Văn Anh	1712			1712								
428	Đoàn Văn Anh	1396			1396								
429	Đoàn Văn Anh	1686			1686								
430	Đoàn Văn Anh	1682	1682										
431	Đoàn Văn Anh	1832			1832								
432	Đoàn Văn Anh	1512			1512								
433	Đoàn Văn Anh	1424			1424								
434	Đoàn Văn Anh	832			832								
435	Đoàn Văn Anh	576			576								
436	Đoàn Văn Anh	768			768								
437	Đoàn Văn Anh	300			300								
438	Đoàn Văn Anh	2200	2200										
439	Đoàn Văn Anh	1472			1472								
Cộng tổng		45151	14882		11597	174		800					
Loại đối tượng:		Hệ gia đình	11006		11597	174		800					
		Đất công ích	3882										
		Đất chưa p.s.d											

Ng. Duy Anh

Đo. Bđ

Đo. Bđ